

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ khỏe mạnh cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ - Thực hiện được các vận động cơ bản theo độ tuổi. - Trẻ nhanh nhẹn có khả năng làm được một số việc tự phục vụ.	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động. - Trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục Mầm non theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT <u>* Phát triển thể chất:</u> - Phát triển một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. <u>* Phát triển nhận thức:</u> - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh - Có sự nhạy cảm của các giác quan - Có khả năng quan sát nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, gần gũi quen thuộc	Thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục Mầm non theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT <u>* Phát triển thể chất:</u> - Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. <u>* Phát triển nhận thức:</u> - Ham hiểu biết thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán chú ý ghi nhớ có chủ định - Có khả năng diễn đạt hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, hiện tượng sự vật xung quanh



		* <u>Phát triển ngôn ngữ:</u> - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. * <u>Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:</u> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán và xếp hình.	và một số khái niệm sơ đẳng về toán. * <u>Phát triển ngôn ngữ:</u> - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết. * <u>Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:</u> - Có ý thức về bản thân, - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc quy định ở gia đình, trường lớp, cộng đồng gần gũi. * <u>Phát triển thẩm mỹ:</u> - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* <u>Mức độ về năng lực:</u> - Trẻ tìm hiểu khám phá về thế giới xung quanh bằng các giác quan. - Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ diễn đạt hiểu biết bằng câu nói đơn giản. - Trẻ có khả năng bắt chước một số hành động quen thuộc	* <u>Mức độ về năng lực:</u> - Trẻ có khả năng xem xét và tìm hiểu đặc điểm của sự vật hiện tượng. - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau: + Mô tả nhận xét trò chuyện và thảo luận về đặc điểm sự khác nhau

		của những người gần gũi, - Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi - Trẻ nói một vài đặc điểm nổi bật của các đối tượng quen thuộc, lấy và cất đồ dùng theo yêu cầu <u>* Mức độ về hành vi:</u> - Trẻ biết lễ phép chào hỏi và cảm ơn - Trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ - Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác. - Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	của các đối tượng. + Thể hiện hiểu biết về đối tượng thông qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... - Trẻ làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Trẻ khám phá về xã hội <u>* Mức độ về hành vi:</u> - Trẻ có một số hành vi tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. - Trẻ thể hiện hành vi và quy tắc ứng xử xã hội: + Thực hiện một số qui định của lớp, gia đình và nơi công cộng + Biết lễ phép, chú ý lắng nghe, chờ đến lượt, biết cùng trao đổi với bạn và giải quyết mâu thuẫn.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	<u>* Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</u> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi - Khẩu phần dinh dưỡng đạt 52-58%/calo/ngày - Khám sức khỏe định kỳ: 1lần/năm - Tẩy giun: 2lần/năm - Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải một cách hợp lý. <u>* Giáo dục</u> - Thực hiện các nội dung giáo dục phát triển phù hợp theo từng độ tuổi. - Tổ chức tốt môi trường hoạt động: + Phòng lớp thẩm mỹ thân thiện đáp ứng mục đích giáo dục + Các khu vực bố trí phù hợp linh hoạt, có phòng hoạt động âm nhạc, phòng thể dục + Sân chơi thoáng và sắp xếp khoa học thiết bị chơi ngoài trời + Có đầy đủ khu chơi với cát, nước... + Trường có trồng cây xanh và vườn cây của bé + Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển tốt các kỹ năng xã hội.	

Tân Bình, ngày 01 tháng 9 năm 2020



HIỆU TRƯỞNG

Lâm Thị Mộng Trinh

UBND QUẬN TÂN BÌNH

TRƯỜNG MẦM NON 9

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	417	16	19	47	89	114	132
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	417	16	19	47	89	114	132
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	417	16	19	47	89	114	132
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	417	16	19	47	89	114	132
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	417	16	19	47	89	114	132
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	372	16	19	45	83	98	111
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1						1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	416	16	19	47	89	113	132
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1					1	
5	Số trẻ thừa cân béo phì	43			2	6	15	20
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	417	16	19	47	89	114	132
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	82	16	19	47			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	335				89	114	132

Tân Bình, ngày 01 tháng 9 năm 2020



Lâm Thị Mộng Trinh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	1,5m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1701,8	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	297	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	64	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	13,5	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	351	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	142	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	155	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	150	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	1/1
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	06	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy	122	Số thiết bị/nhóm (lớp)

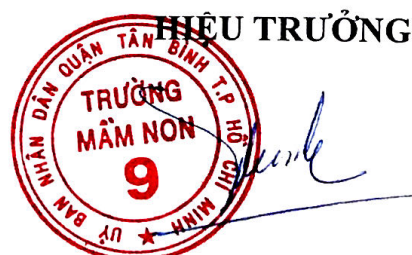
	định)		
1	Đồ chơi khối nhà trẻ: Cảm giác bàn chân, cho thú ăn, ném bóng, thả bóng, phân biệt bóng theo màu sắc, đồ chơi kỹ năng gấp, vặn, xoáy, cài khuy áo	32	
2	Đồ chơi góc toán, LQCV, góc văn học, góc xây dựng, góc phân vai, thư viện, tạo hình, các đồ dùng, đồ chơi phát triển kỹ năng	80	
3	Đồ chơi ngoài trời: các đồ chơi vận động đi dây, đi lượn, nhảy, bật qua các vật, (lon sữa, gáo dừa cô tự tạo): 5 bộ Trò chơi câu cá, ếch (cô tự tạo bằng chai nhựa và nút bitits	4	
4	Trò chơi cảm giác bàn chân	6	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	21		14		0,3m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Tân Bình, ngày 01 tháng 9 năm 2020



Lâm Thị Mộng Trinh

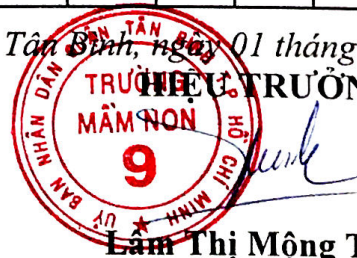
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021**

của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	45			27	9	2	07	04	7	24	14	30	1	
I	Giáo viên	32			22	9	1		04	7	21	1	30	1	
1	Nhà trẻ	11			07	03	1		01	04	06		11		
2	Mẫu giáo	21			15	06			03	06	15	1	19	1	
II	Cán bộ quản lý	03			03						03	03			
1	Hiệu trưởng	01			01						01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02			02						02	02			
III	Nhân viên	10			02		01	07				10			
1	Nhân viên văn thư	01					01					01			
2	Nhân viên kế toán	01			01							01			
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên nấu ăn	04						04				04			
6	Nhân viên phục vụ	02						02				02			
7	Nhân viên bảo vệ	02			01			01				02			

Tân Bình, ngày 01 tháng 9 năm 2020



Lâm Thị Mộng Trinh